

Số: /KH-THCSHP

Hải Hậu, ngày 28 tháng 5 năm 2026

KẾ HOẠCH
Chuyển đổi số năm 2026

Thực hiện Kế hoạch số 92/KH-UBND ngày 26/3/2026 của UBND tỉnh Ninh Bình về việc chuyển đổi số tỉnh Ninh Bình năm 2026; Kế hoạch số 92/KH-SGDĐT ngày 13/5/2026 của Sở Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) ban hành Kế hoạch Chuyển đổi số ngành Giáo dục năm 2026, Thực hiện Kế hoạch số 69/KH-UBND ngày 09/4/2026 của UBND xã Hải Hậu về Chuyển đổi số xã Hải Hậu năm 2026, Kế hoạch số 107/KH-UBND ngày 27 /5/2026 của UBND xã Hải Hậu ban hành Kế hoạch chuyển đổi số ngành Giáo dục năm 2026, trường THCS Hải Phương ban hành Kế hoạch chuyển đổi số năm 2026 cụ thể như sau:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

- Bám sát phương châm hành động năm 2026 của tỉnh, Sở GDĐT: “Hành động đột phá, lan tỏa kết quả”, đẩy mạnh chuyển đổi số liên thông, đồng bộ trong toàn ngành giáo dục.
- Đẩy mạnh chuyển đổi số trong toàn ngành Giáo dục, tạo nền tảng cho đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục theo hướng hiện đại, linh hoạt, công bằng và hội nhập quốc tế.
- Nâng cao năng lực số cho đội ngũ cán bộ, giáo viên và học sinh, đặc biệt chú trọng việc ứng dụng công nghệ mới (Trí tuệ nhân tạo - AI) vào quản trị, giảng dạy và học tập.
- Hoàn thiện hệ thống quản lý dữ liệu ngành, kết nối liên thông với CSDL quốc gia về dân cư (Đề án 06) và CSDL của Bộ GDĐT, đảm bảo dữ liệu "đúng, đủ, sạch, sống"
- Tập trung xây dựng hạ tầng số đồng bộ, bảo đảm an toàn thông tin; hoàn thiện các nền tảng và dịch vụ số phục vụ dạy học và quản trị giáo dục, bảo đảm tính minh bạch, hiệu quả và thuận lợi cho người học, nhà trường và xã hội.
- Tăng cường cải cách hành chính, triển khai dịch vụ công trực tuyến, kết nối với các cơ sở dữ liệu quốc gia, góp phần xây dựng chính quyền số, kinh tế số và xã hội số.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Về công tác lãnh đạo, chỉ đạo điều hành, truyền thông

- Nhà trường ban hành Kế hoạch chuyển đổi số và triển khai hưởng ứng Ngày chuyển đổi số quốc gia và phong trào “Bình dân học vụ số” năm 2026, gắn với nhiệm vụ trọng tâm của năm học.

- Trang thông tin điện tử của nhà trường kết nối liên thông với cổng thông tin điện tử Sở GDĐT, UBND xã, có chuyên trang, chuyên mục và duy trì cập nhật thường xuyên tin, bài tuyên truyền, phổ biến về chuyển đổi số, Đề án 06.

2.2. Về hạ tầng số

- 100% đảng viên là viên chức quản lý của nhà trường được cấp và sử dụng thường xuyên, miễn phí chữ ký số chuyên dùng công vụ.

- 100% đội ngũ nhà giáo của nhà trường được cấp chứng thư chữ ký số, chứng thư chữ ký điện tử.

2.3. Về phát triển nguồn lực số

- 100% viên chức quản lý của nhà trường được bồi dưỡng kỹ năng số cơ bản.

- 100% đội ngũ cán bộ, viên chức trong nhà trường làm chủ được kỹ năng số ứng dụng công nghệ trong quản lý điều hành.

- 100% đội ngũ nhà giáo và học sinh được tập huấn kỹ năng cơ bản về dạy – học trên nền tảng số. Toàn thể cán bộ, giáo viên ứng dụng AI vào việc đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá.

2.4. Về phát triển dữ liệu số

- Nhà trường triển khai hệ thống cơ sở dữ liệu ngành giáo dục và đào tạo theo quy định.

- Triển khai xây dựng học liệu số theo chương trình giáo dục phổ thông mới. Tỷ lệ học liệu trong chương trình giáo dục phổ thông được số hóa đạt mức điểm cao nhất (trên 40 học liệu).

- 100% học sinh được cấp phát và sử dụng Học bạ số.

- Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu đã được số hóa trong giải quyết thủ tục hành chính, dịch vụ công đạt 100%.

- Tỷ lệ hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính được số hóa lĩnh vực giáo dục đạt 100%.

2.5. Về chính quyền số, kinh tế số, xã hội số

- Tỷ lệ thủ tục hành chính được thực hiện không phụ thuộc vào địa giới hành chính: Đạt 100%.

- Tỷ lệ thủ tục hành chính liên quan đến đào tạo được thực hiện trực tuyến: Đạt 100%.
- Tỷ lệ giao dịch hành chính thuộc diện “phi tiếp xúc”: Đạt tối thiểu 80%.
- Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên tổng số thủ tục hành chính có đủ điều kiện: Đạt 100%.
- Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính xử lý trực tuyến: Đạt tối thiểu 90%.
- Tỷ lệ cấp kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử: Đạt tối thiểu 95%.
- Tỷ lệ thủ tục hành chính cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên tổng số thủ tục hành chính được giao quy định hoặc quy định chi tiết trong văn bản quy phạm pháp luật của các cấp chính quyền trên địa bàn xã của ngành giáo dục: Đạt tối thiểu 80%
- Tỷ lệ thanh toán trực tuyến: Đạt 100%.
- Tỷ lệ người dân hài lòng trong việc thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công: Đạt 95%.
- Tỷ lệ văn bản, hồ sơ công việc tại cơ quan hành chính nhà nước được xử lý toàn trình trên môi trường điện tử: Đạt tối thiểu 70%.
- Tỷ lệ hồ sơ công việc tại cơ quan hành chính nhà nước được xử lý trên môi trường điện tử: Đạt 100%.
- Tỷ lệ chế độ báo cáo của nhà trường được thực hiện trên Hệ thống thông tin báo cáo: Đạt 100%
- Triển khai các phần mềm, ứng dụng công nghệ số phục vụ công tác quản lý, quản trị và tổ chức dạy học.
- 100% các cơ sở giáo dục công lập triển khai các khoản thu không dùng tiền mặt.

2.6. Về an toàn thông tin mạng

- Tỷ lệ các hệ thống thông tin được phê duyệt hồ sơ đề xuất bảo đảm an ninh mạng theo cấp độ trước khi đưa vào vận hành, sử dụng; được kiểm tra, đánh giá an ninh mạng định kỳ: Đạt 100%.
- Thực hiện triển khai giải pháp phòng chống vi rút, mã độc quản lý, giám sát tập trung: Đạt 100%.

II. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành, xây dựng thể chế; kiểm tra, giám sát hoạt động chuyển đổi số

- Phát huy vai trò dẫn dắt của Ban Chỉ đạo và tinh thần trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị trong việc chỉ đạo và chịu trách nhiệm về tiến độ và kết quả việc triển khai các nhiệm vụ chuyển đổi số.

- Xây dựng, ban hành và công khai các văn bản, Kế hoạch chuyển đổi số của đơn vị. Kế hoạch cần thể hiện mục tiêu, nhiệm vụ, chi tiết với các mốc thời gian, kết quả đầu ra định lượng và gắn với trách nhiệm của từng cá nhân, tổ chức để cải thiện công tác chuyển đổi số trong dạy, học, kiểm tra đánh giá và trong quản trị, phù hợp với quy định hiện hành, đảm bảo tính thiết thực, phù hợp với nhu cầu và khả năng của đơn vị.

- Triển khai nhiệm vụ chuyển đổi số và tổ chức tự đánh giá mức độ chuyển đổi số theo Bộ chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số của cơ sở giáo dục theo hướng dẫn của Bộ GDĐT và của Sở GDĐT, đảm bảo đạt mức độ chuyển đổi số tối thiểu ở mức độ 2 theo quy định.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát đột xuất và định kỳ để chấn chỉnh kỷ cương, nâng cao hiệu quả thực thi các kế hoạch chuyển đổi số tại đơn vị.

2. Nâng cao nhận thức, truyền thông và phát triển nhân lực số

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức cho cán bộ quản lý và đội ngũ nhà giáo về vai trò và kết quả của ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong các hoạt động giáo dục; phổ biến và tuyên truyền về ý thức bảo vệ dữ liệu cá nhân, kỹ năng sử dụng thiết bị số và tham gia môi trường số an toàn.

- Nhà trường có chuyên trang, chuyên mục và duy trì cập nhật thường xuyên tin, bài tuyên truyền, phổ biến về chuyển đổi số, Đề án 06 trên các phương tiện thông tin đại chúng, trang/cổng thông tin điện tử, các nền tảng xã hội của đơn vị.

- Tiếp tục triển khai các hoạt động hưởng ứng Ngày Chuyển đổi số Quốc gia vào ngày 10 tháng 10, triển khai sâu rộng phong trào "Bình dân học vụ số" và "Học tập số". Thực hiện thông tin tuyên truyền sâu rộng về dịch vụ công trực tuyến và các ứng dụng số đến toàn thể đội ngũ nhà giáo, học sinh tại đơn vị; phối hợp với các cơ quan, tổ chức, chính quyền địa phương hỗ trợ, hướng dẫn kỹ năng số cơ bản cho người thân, người dân và các nhóm yếu thế tại cộng đồng.

- Tổ chức tập huấn, đào tạo, bồi dưỡng về chuyển đổi số, trí tuệ nhân tạo (AI), an toàn, an ninh mạng cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên; đào tạo kỹ năng số, tư duy lập trình và văn hóa an toàn mạng trong chương trình giáo dục phổ thông các cấp cho học sinh nhằm trang bị kiến thức chuyên sâu và kỹ năng ứng dụng công nghệ mới vào quản trị, giảng dạy và học tập.

- Triển khai tổ chức cuộc thi, hội thi về khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số ngành giáo dục để khuyến khích phong trào thi đua, nhân rộng các

mô hình xuất sắc. Tổ chức các hội nghị, hội thảo chia sẻ kinh nghiệm và nhân rộng các mô hình, điển hình thành công về chuyển đổi số.

- Triển khai các hoạt động nhằm nâng cao năng lực số cho học sinh theo các tiêu chí trong Khung năng lực số cho học sinh phổ thông và học viên giáo dục thường xuyên đối với từng khối lớp theo quy định và hướng dẫn của Bộ GDĐT.

3. Phát triển dữ liệu số

- Xây dựng kho học liệu số: Triển khai xây dựng Kho học liệu số dùng chung toàn ngành giáo dục và đào tạo xã Hải Hậu, bao gồm bài giảng e-learning, video, ngân hàng câu hỏi, phục vụ các cơ sở giáo dục.

- Sử dụng CSDL ngành: Sử dụng hiệu quả hệ thống quản lý dữ liệu ngành Giáo dục tỉnh Ninh Bình, tích hợp 100% dữ liệu về trường, lớp, học sinh, nhân sự, tài chính và cơ sở vật chất..., chú trọng công tác làm sạch và chuẩn hóa dữ liệu theo nguyên tắc "đúng, đủ, sạch, sống".

4. Phát triển ứng dụng số phục vụ quản lý và dạy học

- Tiếp tục triển khai các phần mềm phục vụ công tác quản lý, tổ chức dạy, học, hỗ trợ kiểm tra, đánh giá tại đơn vị, phần mềm có khả năng kết nối liên thông, trao đổi dữ liệu được với các hệ thống cơ sở dữ liệu ngành giáo dục và tuân thủ các quy định của pháp luật về sở hữu dữ liệu, bảo vệ an toàn thông tin cá nhân.

- Triển khai Học bạ số: Áp dụng toàn diện Học bạ số thay thế học bạ giấy tại các cơ sở giáo dục phổ thông, áp dụng chữ ký số cá nhân cho giáo viên và ban giám hiệu.

- Triển khai Phần mềm tuyển sinh và quản lý các kỳ thi nhằm số hóa hoàn toàn quy trình nộp hồ sơ, xét tuyển trực tuyến, đảm bảo công bằng, minh bạch.

5. Đảm bảo điều kiện về hạ tầng số, an toàn thông tin mạng

- Đối chiếu với các quy định về mức độ chuyển đổi số của các cơ sở giáo dục, đơn vị kiểm tra, rà soát, đánh giá hiện trạng, đề xuất nhu cầu các điều kiện hạ tầng, cơ sở vật chất, trang thiết bị CNTT, các hệ thống thông tin, phần mềm, nhân lực, kinh phí... để triển khai hiệu quả công tác công nghệ thông tin, chuyển đổi số phục vụ công tác quản trị, quản lý điều hành và tổ chức dạy, học tại đơn vị, báo cáo về cơ quan quản lý trực tiếp.

- Thực hiện rà soát, đăng ký chứng thư chữ ký số cho đội ngũ cán bộ, quản lý, giáo viên tại các cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên phục vụ công việc.

- Thường xuyên rà soát, cập nhật và ban hành các quy chế quản lý, vận hành và khai thác sử dụng, phân công cụ thể trách nhiệm cho từng bộ phận/ cá nhân về quản lý và khai thác sử dụng dữ liệu, đảm bảo tính đồng bộ, tuân thủ các quy định

nhà nước về an ninh mạng, thông tin cá nhân, quy định về sở hữu dữ liệu và các quy định pháp luật khác đối với các hệ thống công nghệ thông tin, cơ sở dữ liệu, các phần mềm, ứng dụng đang triển khai tại đơn vị như: các hệ thống mạng; hệ thống camera giám sát, các phòng học và trang thiết bị về CNTT; trang thông tin điện tử; hệ thống quản lý văn bản điều hành; phần mềm dạy học trực tuyến; phần mềm quản lý, quản trị nhà trường; phần mềm học bạ số; các hệ thống cơ sở dữ liệu và các hệ thống phần mềm khác.

- Rà soát công tác bảo đảm an ninh, an toàn hệ thống và triển khai áp dụng các biện pháp kỹ thuật cần thiết đối với các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu, phần mềm thuộc phạm vi quản lý; thường xuyên kiểm tra, bảo trì, nâng cấp hệ thống nhằm kịp thời phát hiện và khắc phục các lỗ hổng về kỹ thuật, tránh nguy cơ không bảo đảm an ninh, an toàn hệ thống dẫn tới lộ, mất dữ liệu cá nhân. Đối với các đơn vị sử dụng dịch vụ của doanh nghiệp trong việc duy trì, vận hành các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu, phần mềm cần thực hiện rà soát nhằm bảo đảm nguyên tắc dữ liệu thuộc phạm vi quản lý của đơn vị phải thuộc quyền quản lý, kiểm soát của đơn vị; không để doanh nghiệp tiếp cận dữ liệu (trong đó có dữ liệu cá nhân) khi chưa có sự cho phép của đơn vị quản lý.

- Đối với việc quản lý, khai thác sử dụng các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu, phần mềm trong đơn vị: Quy định rõ trách nhiệm về bảo vệ tài khoản, an toàn thông tin mạng, quy định về bảo vệ dữ liệu cá nhân; đặc biệt quan tâm tới quản lý tài khoản truy cập: không dùng chung tài khoản, đặt mật khẩu có độ phức tạp cần thiết, thường xuyên phải thay đổi mật khẩu sử dụng.

- Đối với việc quản lý, sử dụng máy tính và các trang thiết bị CNTT khác cần cài đặt các phần mềm có bản quyền, cài đặt và thường xuyên cập nhật phiên bản mới nhất, thường xuyên sử dụng phần mềm diệt virus để kiểm tra máy tính, cảnh giác và kiểm tra các tệp tin, các đường link gửi qua thư điện tử, từ tài khoản mạng không rõ nguồn gốc và tải trên mạng về trước khi kích hoạt, sử dụng; tắt chế độ tự động mở, chạy các tệp tin đính kèm theo thư điện tử, bật các tính năng của thiết bị tường lửa, thường xuyên sao lưu các dữ liệu cần thiết và các biện pháp kỹ thuật khác.

6. Chính quyền số, Kinh tế số, Xã hội số

- Tái cấu trúc quy trình nghiệp vụ và cung cấp 100% dịch vụ công trực tuyến toàn trình đối với các thủ tục đủ điều kiện trên môi trường điện tử.

- Xây dựng môi trường làm việc số (Digital Workplace) thống nhất, hướng tới xử lý hồ sơ công việc toàn trình trên môi trường mạng.

- Đẩy mạnh thanh toán không dùng tiền mặt, thực hiện các khoản thu dịch vụ giáo dục theo phương thức thanh toán không dùng tiền mặt và các giao dịch hành chính công.

- Thực hiện phổ cập tài khoản định danh điện tử VNeID mức độ 2 và chữ ký số cá nhân đối với đội ngũ nhà giáo và người học đủ điều kiện để thực hiện các giao dịch trên môi trường số.

- Đẩy mạnh ứng dụng hồ sơ sổ sách điện tử và các nền tảng dạy học trực tuyến trong các cơ sở giáo dục để nâng cao chất lượng dịch vụ giáo dục cho nhân dân.

- Tiếp tục triển khai sử dụng các ứng dụng trong nội bộ cơ quan nhà nước, góp phần tiết kiệm thời gian, chi phí hoạt động, đổi mới phương thức làm việc: Hệ thống hợp không giấy (ecabinet), Hệ thống Quản lý văn bản và điều hành; Hệ thống thư điện tử công vụ; Cổng thông tin điện tử...

III. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí thực hiện từ nguồn ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách hiện hành; ngân sách nguồn sự nghiệp khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; nguồn lực xã hội hóa, đầu tư tư nhân (PPP) và các nguồn kinh phí huy động hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Triển khai các nhiệm vụ về chuyển đổi số năm 2026 tại nhà trường, các cá nhân, tập thể được giao nhiệm vụ nâng cao trách nhiệm hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao.

Định kỳ hằng quý (trước ngày 10 tháng cuối quý), và hằng năm (trước ngày 01/12) báo cáo kết quả, tiến độ thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ về UBND xã (qua Phòng Văn hóa – Xã hội).

Nơi nhận:

- Phòng VH-XH xã Hải Hậu;
- Các tổ CM;
- Đăng cổng thông tin trường;
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Chí Cao

PHỤ LỤC 1
PHÂN CÔNG THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU CỦA KẾ HOẠCH
(Kèm theo Kế hoạch số: /KH-THCSHP ngày 28/5/2026 của trường THCS Hải Phương)

TT	Chỉ tiêu	Người phụ trách	Thời gian hoàn thành	Kết quả
I	<i>Về công tác lãnh đạo, chỉ đạo điều hành, truyền thông</i>			
1	Ban hành kế hoạch chuyển đổi số và triển khai hưởng ứng Ngày chuyển đổi số quốc gia và phong trào “Bình dân học vụ số” năm 2026, gắn với nhiệm vụ trọng tâm của năm học	Nhà trường	Tháng 5/2026	
2	Trang thông tin điện tử của các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh kết nối liên thông với cổng thông tin điện tử Sở GDĐT, UBND xã, có chuyên trang, chuyên mục và duy trì cập nhật thường xuyên tin, bài tuyên truyền, phổ biến về chuyển đổi số, Đề án 06	Ban truyền thông	Thường xuyên	
II	<i>Về hạ tầng số</i>			
1	100% đảng viên là viên chức quản lý của các nhà trường được cấp và sử dụng thường xuyên, miễn phí chữ ký số chuyên dùng công vụ.	Đ/c Hiệu trưởng. Phó hiệu trưởng	Tháng 12/2026	

2	Tỷ lệ đội ngũ nhà giáo các cơ sở giáo dục phổ thông công lập được cấp chứng thư chữ ký số, chứng thư chữ ký điện tử đạt 100%	Viên chức quản lý, Ban CNTT, CDS	Tháng 12/2026	
III	<i>Về phát triển nguồn lực số</i>			
1	100% viên chức quản lý được bồi dưỡng kỹ năng số cơ bản	Đ/c Hiệu trưởng. Phó hiệu trưởng	Tháng 11/2026	
2	100% đội ngũ nhà giáo được tập huấn kỹ năng cơ bản về dạy – học trên nền tảng số. 100% cán bộ, giáo viên ứng dụng AI vào việc đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá.	Đ/c Hiệu trưởng. Phó hiệu trưởng và toàn thể giáo viên.	Thường xuyên	
3	100 % học sinh phổ thông được tập huấn kỹ năng cơ bản về dạy – học trên nền tảng số	Ban CNTT, CDS	Thường xuyên	
4	100% đội ngũ giáo viên làm chủ được kỹ năng số ứng dụng công nghệ trong quản lý điều hành.	GV toàn trường	Tháng 11/2026	
IV	<i>Về phát triển dữ liệu số</i>			
1	Triển khai phần mềm quản trị nhà trường, hệ thống cơ sở dữ liệu ngành giáo dục và đào tạo theo quy định	Ban CNTT, CDS	Thường xuyên	
2	CSDL ngành giáo dục của trường được số hóa và liên thông với CSDL ngành của tỉnh của Bộ GDĐT	Ban CNTT, CDS	Tháng 12/2026	

3	Triển khai xây dựng học liệu số theo chương trình giáo dục phổ thông mới. Tỷ lệ học liệu trong chương trình giáo dục phổ thông được số hóa đạt tối thiểu 15%, phần đầu đạt tới 50%. (Tối thiểu 40 học liệu số)	Ban CNTT, CDS	Tháng 12/2026	
4	100% học sinh tại các cơ sở giáo dục phổ thông được cấp phát và sử dụng Học bạ số	Ban CNTT, CDS	Thường xuyên	
5	Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu đã được số hóa trong giải quyết thủ tục hành chính, dịch vụ công: Đạt tối thiểu 95%	Ban CNTT, CDS	Thường xuyên	
6	Tỷ lệ hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính được số hóa: Đạt tối thiểu 95%.	Ban CNTT, CDS	Thường xuyên	
V	<i>Về chính quyền số, kinh tế số, xã hội số</i>			
1	Tỷ lệ thủ tục hành chính được thực hiện không phụ thuộc vào địa giới hành chính: Đạt 100%.	Ban CNTT, CDS	Tháng 12/2026	
2	Tỷ lệ thủ tục hành chính liên quan đến đào tạo, nghiên cứu, sản xuất, kinh doanh được thực hiện trực tuyến: Đạt 100%.	Ban CNTT, CDS	Tháng 12/2026	

3	Tỷ lệ giao dịch hành chính thuộc diện “phi tiếp xúc”: Đạt tối thiểu 80%.	Ban CNTT, CDS	Tháng 12/2026	
4	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên tổng số thủ tục hành chính có đủ điều kiện: Đạt 100%.	Ban CNTT, CDS	Tháng 12/2026	
5	Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính xử lý trực tuyến: Đạt tối thiểu 90%.	Ban CNTT, CDS	Tháng 12/2026	
6	Tỷ lệ cấp kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử: Đạt tối thiểu 95%.	Ban CNTT, CDS	Tháng 12/2026	
7	Tỷ lệ thủ tục hành chính cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên tổng số thủ tục hành chính được giao quy định hoặc quy định chi tiết trong văn bản quy phạm pháp luật của các cấp chính của ngành giáo dục: Đạt tối thiểu 80%	Ban CNTT, CDS	Tháng 12/2026	
8	Tỷ lệ thanh toán trực tuyến trong giải quyết thủ tục hành chính, dịch vụ công: Đạt tối thiểu 83%.	Ban CNTT, CDS	Tháng 11/2026	

9	Tỷ lệ người dân, doanh nghiệp hài lòng trong việc thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công: Đạt tối thiểu 95%.	Ban CNTT, CDS	Tháng 12/2026	
10	Tỷ lệ văn bản, hồ sơ công việc tại cơ quan hành chính nhà nước được xử lý toàn trình trên môi trường điện tử: Đạt tối thiểu 70%.	Ban CNTT, CDS	Tháng 12/2026	
11	Tỷ lệ hồ sơ công việc tại cơ quan hành chính nhà nước được xử lý trên môi trường điện tử: Đạt 100%.	Ban CNTT, CDS	Tháng 12/2026	
12	Tỷ lệ chế độ báo cáo của cơ sở giáo dục được thực hiện trên Hệ thống thông tin báo cáo: Đạt 100%	Ban CNTT, CDS, Tổ Hành chính.	Tháng 10/2026	
13	100% cơ sở giáo dục triển khai các phần mềm, ứng dụng công nghệ số phục vụ công tác quản lý, quản trị và tổ chức dạy học.	Ban CNTT, CDS. Giáo viên toàn trường.	Tháng 12/2026	
14	100% các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, công lập trên địa bàn xã triển khai các khoản thu không dùng tiền mặt.	Ban CNTT, CDS, Tổ Hành chính.	Tháng 12/2026	

PHỤ LỤC 2

PHÂN CÔNG TRIỂN KHAI CÁC NHIỆM VỤ CHUYỂN ĐỔI SỐ

(Kèm theo Kế hoạch số: /KH-THCSHP ngày 28/5/2026 của Trường THCS Hải Phương)

TT	Nhiệm vụ	Người phụ trách	Thời gian thực hiện	Kết quả
1	Tuyên truyền, truyền thông về chuyển đổi số và đảm bảo an toàn, an ninh thông tin mạng cho đội ngũ cán bộ lãnh đạo, viên chức, người lao động ngành giáo dục	Ban CNTT, CDS. Ban truyền thông.	Quý IV năm 2026	
2	Đầu tư, nâng cấp cơ sở hạ tầng, trang thiết bị, phần mềm, phần cứng tại các cơ sở giáo dục, đảm bảo trường học đạt chuyển đổi số ở mức độ 3 và hướng tới mô hình trường học số	Ban CNTT, CDS.	Năm 2026	
3	Tổ chức các hội nghị tập huấn, bồi dưỡng về chuyển đổi số, trí tuệ nhân tạo cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh, sinh viên trong ngành giáo dục và đào tạo	Ban CNTT, CDS	Năm 2026	
4	Xây dựng và triển khai kế hoạch tổ chức cuộc thi, hội thi về khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số ngành giáo dục	Ban CNTT, CDS	Quý IV/2026	
5	Xây dựng kho học liệu số dùng chung toàn ngành giáo dục và đào tạo	Ban CNTT, CDS, giáo viên toàn trường.	Tháng 12/2026	

6	Di chuyển dữ liệu từ các hệ thống cũ vào hệ thống quản lý dữ liệu ngành Giáo dục tỉnh Ninh Bình.	Ban CNTT, CDS, Tổ Hành chính.	Tháng 12/2026	
7	Triển khai Học bạ số trong các cơ sở giáo dục phổ thông	Ban CNTT, CDS, Tổ Hành chính.	Quý III/2026	
8	Triển khai phần mềm tuyển sinh đầu cấp và quản lý các kỳ thi	Ban CNTT, CDS, Tổ Hành chính.	Quý IV/2026	
9	Triển khai phần mềm đánh giá, chấm điểm tiêu chí thi đua; quản lý công tác thi đua, khen thưởng	Ban CNTT, CDS, Tổ Hành chính.	Quý II/2026	
10	Thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính, thủ tục hành chính và dịch vụ công	Ban CNTT, CDS, Tổ Hành chính.	Thường xuyên	
11	Thực hiện triển khai giải pháp phòng chống vi rút, mã độc quản lý, giám sát tập trung tại các cơ sở Giáo dục	Ban CNTT, CDS.	Thường xuyên	